TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST
Ngày 14 – 4 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Dưỡng

Ông Huỳnh Văn An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Diệu N, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp T, xã T1, huyện B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Dương Thành Đ, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp T2, xã T3, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị Diệu N, thể hiện:*

Chị N và anh Dương Thành Đ chung sống với nhau vào năm 2009 và đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện B, tỉnh Bến Tre. Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh Đ không quan tâm, lo lắng cho gia đình, đã được gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được đã sống ly thân hơn 08 năm nay. Từ nguyên nhân trên, chị N yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Quá trình chung sống các đương sự có 01 con chung tên Dương Nhã Tr, sinh ngày 08/9/2010 (đã chết). Về tài sản và các vấn đề khác: Chị N xác định không có.

** Đối với anh Dương Thành Đ:* Mặc dù đã được tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng anh Đ không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Thị Diệu N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Dương Thành Đ đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định.

[2] Chị N và anh Đ chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện B, tỉnh Bến Tre. Theo chị N, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn, đã được gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được và đã sống ly thân hơn 08 năm nay. Từ nguyên nhân trên, chị N xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với anh Đ. Anh Đ không có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Xét yêu cầu của chị N, thấy rằng: Hôn nhân của chị N và anh Đ có đăng ký kết hôn hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tuy nhiên, chị N yêu cầu xin ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử anh Đ đều vắng mặt không có lý do, thể hiện việc anh Đ không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng và không thể hàn gắn trở lại nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị N ly hôn với anh Đ là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Theo chị N xác định có 01 người con chung nhưng đã chết, anh Đ không có ý kiến gì về vấn đề này nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản và các vấn đề khác: Chị N xác định không có, anh Đ không có ý kiến gì về các nội dung này nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Diệu N. Cho chị N được ly hôn với anh Dương Thành Đ.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011829 ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị N đã nộp xong).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn